HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55/2026/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức hỗ trợ dự án và định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 3225/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức hỗ trợ dự án và định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 841/BC-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ dự án và

định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ dự án và định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, người dân và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển sản xuất theo hình thức dự án; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất, được phân kỳ theo năm ngân sách và không quá thời hạn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Các dự án phát triển sản xuất phải bảo đảm tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ dân tộc thiểu số, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu và biên giới.

3. Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án phát triển sản xuất thực hiện theo Điều 24 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

4. Các đối tượng chỉ được hỗ trợ một lần cho một dự án trong giai đoạn thực hiện Chương trình. Trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ từ nhà nước với cùng nội dung thì chỉ được chọn một chính sách hỗ trợ cao nhất. Sau khi kết thúc dự án và nghiệm thu hoàn thành, đối tượng được xem xét hỗ trợ các dự án khác nếu đủ điều kiện.

Điều 4. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho 01 dự án

1. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

a) Mức hỗ trợ 80% tổng chi phí thực hiện dự án trên các xã biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu;

b) Mức hỗ trợ 50% tổng chi phí thực hiện dự án trên địa bàn còn lại;

c) Số tiền hỗ trợ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này tối đa không quá 02 tỷ đồng thực hiện một (01) dự án.

2. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

a) Mức hỗ trợ 95% tổng chi phí thực hiện dự án trên các xã biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu;

b) Mức hỗ trợ 60% tổng chi phí thực hiện dự án trên địa bàn còn lại;

c) Số tiền hỗ trợ tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này tối đa không quá 01 tỷ đồng thực hiện một (01) dự án.

3. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ:

Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa không quá 03 tỷ đồng/01 dự án. Đối với trường hợp tăng quy mô hỗ trợ vốn thực hiện dự án trên 03 tỷ đồng/01 dự án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng/01 dự án.

Điều 5. Định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên địa bàn các xã, phường thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu, biên giới: Mức hỗ trợ tối đa không quá 30.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên địa bàn các xã, phường còn lại: Mức hỗ trợ tối đa không quá 25.000.000 đồng/hộ.

3. Hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng trên địa bàn các xã, phường không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, 2 Điều này: Mức hỗ trợ tối đa không quá 23.000.000 đồng/hộ hoặc cá nhân.

4. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, người dân và các tổ chức khác có liên quan: Mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026-2030.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp nhà nước hiện hành (chi thường xuyên) và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết:

a) Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định về mức hỗ trợ thực hiện dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025.

b) Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An quy định nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án đã và đang triển khai các thủ tục thực hiện hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục áp dụng theo quy định của các văn bản đã phê duyệt cho đến hết thời gian thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 (bao gồm thời gian được kéo dài theo quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ 5 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2026) thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật-Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo và phát thanh truyền hình Tây Ninh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng